

Ảnh Hòa Tấn



Kinh tế Việt Nam năm 2004 và định hướng phát triển năm 2005

1. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế VN năm 2004

Năm 2004, môi trường kinh tế thế giới cũng như VN có nhiều biến đổi so với năm 2003, bên cạnh tạo các cơ hội cho nước ta trong việc đẩy nhanh phát triển kinh tế, thì cũng đặt ra cho VN nhiều thách thức như giá nhiều mặt sản phẩm hàng hoá liên quan đến các yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh gia tăng, dịch cúm gia cầm, hạn hán nhiều vùng... đã tác động đến sự phát triển kinh tế VN. Tuy vậy, do có sự điều chỉnh chính sách vĩ mô kịp thời nên đã huy động được nguồn nội lực của toàn xã hội và nguồn ngoại lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, nên đã đạt được những kết quả đáng kể trong năm 2004, đồng thời cũng bộc

lộ các hạn chế, khó khăn cần phải vượt qua, đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng bền vững. Điều này được thể hiện trên các khía cạnh sau:

1.1. Những kết quả đạt được:

- Nhìn trên tổng thể năm 2004, kinh tế nước ta vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá cao so với các năm và so với một số nước trên thế giới. Theo báo cáo của Bộ kế hoạch và đầu tư, tính chung cả năm 2004, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt gần 7,7%, cao hơn năm 2003 (7,3%), trong đó lâm nghiệp và xây dựng tăng 10,2%, dịch vụ tăng gần 7,5%.

- Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tỷ lệ tăng cao và đi dần vào thế ổn định. Tính chung cả năm

2004, giá trị SXCN tăng trưởng 16% so với năm 2003, vượt kế hoạch đề ra 15%, trong đó khu vực công nghiệp nhà nước tăng 11,8%; khu vực công nghiệp tư nhân tăng 22,8%; khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 15,7%. Trong năm 2004, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có tốc độ tăng trưởng cao là than sạch khai thác tăng trên 34%, khí đốt thiên nhiên tăng trên 117%, gạch lát tăng trên 23%, giấy bìa các loại tăng gần 33%. Giá trị sản xuất công nghiệp tại các địa phương tăng khá như Hà Nội tăng 15%, Phú Thọ 20,7%.

- Sản xuất nông nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ phát triển khá và ổn định. Kết thúc năm 2004, tính chung diện tích lúa cả năm ước đạt 7,44 triệu ha, năng suất lúa cả năm

đạt 48,2 tạ/ha, tăng 1,8 tạ/ha so với năm 2003, sản lượng lương thực đạt khoảng 35,87 triệu tấn, tăng 3,8% so với năm 2003.

• Thủy sản năm 2004 cũng đạt kết quả đáng kể, sản lượng thủy sản đạt 2,820 nghìn tấn, bằng 106,4% kế hoạch năm và tăng 5% so với năm 2003. Sản lượng khai thác hải sản đạt 1,470 nghìn tấn, tăng 2,7% so với năm 2003.

Như vậy, tính chung, giá trị toàn ngành nông nghiệp năm 2004 tăng 5,4% so với năm 2003, trong đó nông nghiệp tăng 4,2%, lâm nghiệp tăng 0,9% và thủy sản tăng 11,2%.

• Khu vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khá so với năm 2003 trên các lĩnh vực sau:

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tính chung cả năm đạt 372 nghìn tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2003, đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ năm 1997 đến nay.

- Hoạt động du lịch gia tăng, nhất là du khách quốc tế. Tính chung cả năm 2004 số khách quốc tế đến VN đạt trên 2,9 triệu lượt người, tăng 19,5% so với năm 2003.

- Năm 2004, khách nội địa cũng tăng trưởng khá đạt 14,5 triệu lượt người, tăng 11,5% so với năm 2003. Năm 2004, doanh thu du lịch toàn xã hội ước đạt 25,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2003, trong đó riêng doanh thu bằng ngoại tệ khoảng 1,27 tỷ USD.

- Tính chung cả năm 2004, hoạt động vận tải hàng hoá tăng 6,8% về tấn và 9,9% về tấn-km so với cùng kỳ năm 2003; vận tải hành khách tương ứng tăng 7% về lượt hành khách và 12,7% về lượt hành khách - km.

- Hoạt động bưu chính viễn thông tiếp tục phát triển ổn định. Tính chung cả năm 2004, đã phát triển thêm 2.393 điểm phục vụ bưu chính viễn thông, 582 điểm bưu điện - văn hoá xã, gần 2,97 triệu thuê bao điện thoại, gần 3,23 triệu người sử dụng dịch vụ Internet, nhờ đó đến cuối năm 2004 mật độ điện thoại đã đạt 12,56 máy/100 dân; tỷ lệ xã có điện thoại đạt 97,5%; mật

độ sử dụng Internet đạt 7,42%; tỷ lệ xã có báo đến trong ngày đạt 89,4%.

• Kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng cao. Tính chung cả năm 2004 ước đạt 26 tỷ USD, tăng 28,9% so với năm 2003, trong đó kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 14,3 tỷ USD, tăng 40,4%.

Năm 2004, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu có tốc độ tăng trưởng cao về kim ngạch là dầu thô tăng 14,1%, dệt may tăng 17,2%, giày dép tăng 14,8%, dây điện và cáp điện tăng 36,2%, sản phẩm nhựa tăng 48%. Sản phẩm gỗ 87,9%, hàng điện tử tăng 58,2%, máy vi tính và linh kiện tăng 61,3%, xe đạp và phụ tùng xe đạp tăng 52,3%, hạt điều tăng 49,5%, hạt tiêu tăng 42,9%. Đến nay đã có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó 2 mặt hàng mới là điện tử và sản phẩm gỗ.

Kim ngạch nhập khẩu, tính chung năm 2004 ước đạt 31,5 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2003; trong đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 10,97 tỷ USD, tăng 24,4%.

Các mặt hàng chủ yếu có kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh trong năm 2004 là máy tính và linh kiện tăng 126,1%, vải các loại tăng 57,1%, nguyên liệu dệt may da 20,4%; hoá chất 32,4%, linh kiện xe máy 41,3%.

• Năm 2004, vốn đầu tư xã hội tăng khá thực hiện ước đạt 258,7 nghìn tỷ đồng, bằng 111% kế hoạch năm và tăng 17,7% so với kế hoạch thực hiện năm 2003, đạt 36,3% GDP, trong đó đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước ước thực hiện đạt 61 nghìn tỷ đồng, bằng 114% kế hoạch năm và tăng 29,7% so với thực hiện năm 2003; đầu tư từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước ước đạt 29 nghìn tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch năm và tăng 1,8% so với năm 2003; đầu tư từ vốn của DNNN ước thực hiện trên 47 nghìn tỷ đồng, bằng kế hoạch năm và tăng trên 21% so với năm 2003. Ngoài ra, trong năm 2004 đã thực hiện khoảng 7,8 nghìn

tỷ đồng từ các vốn khác như công trái giáo dục, trái phiếu chính phủ, trái phiếu công trình và các hình thức trái phiếu khác bằng 64% so với kế hoạch năm.

• Thu ngân sách nhà nước tăng khá năm 2004 ước đạt trên 171 nghìn tỷ đồng, bằng 114,5% so với dự toán năm và tăng 20,2% so với năm 2003; trong đó thu nội địa đạt 112% dự toán năm; thu từ dầu thô đạt 159,8 % dự toán năm; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bằng 90,3% dự toán năm.

• Chi ngân sách nhà nước ước cả năm 2004 đạt xấp xỉ 210,2 nghìn tỷ đồng, bằng 112% dự toán năm và tăng 19% so với thực hiện năm 2003; trong đó chi cho đầu tư phát triển đạt gần 61 nghìn tỷ đồng, bằng 113,6% dự toán năm; chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội đạt 106,9 nghìn tỷ, bằng 107,1% dự toán năm. Bộ chi ngân sách nhà nước năm 2004 bằng 4,86% GDP.

1.2. Hạn chế:

• Bên cạnh những kết quả đạt được rất quan trọng trên, bức tranh kinh tế năm 2004 cũng cho thấy, nền kinh tế nước ta còn nhiều bất cập và hạn chế, cần sớm có biện pháp xử lý để thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2005 và các năm tiếp theo. Trong lĩnh vực kinh tế, hạn chế lớn nhất là sức cạnh tranh của nền kinh tế non yếu, chất lượng tăng trưởng chưa thật cao và bền vững. Theo báo cáo cạnh tranh toàn cầu 2004-2005 được Diễn đàn kinh tế thế giới công bố 13.10.2004 thì trong tổng số 104 nền kinh tế mà diễn đàn này điều tra thì khả năng cạnh tranh tăng trưởng (GCI) của nền kinh tế nước ta từ vị trí thứ 60/104 năm 2003 đã lùi xuống vị trí thứ 77/104. Nếu xét khả năng cạnh tranh kinh doanh (BCI) thì ở vị trí 79/104. Tỷ lệ lạm phát năm 2004 ở mức khá cao. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12. 2004 so với tháng 12.2003 tăng 9,5% trong đó nhóm lương thực- thực phẩm tăng trưởng 16,5%, cao hơn nhiều so với mục tiêu khống chế ở mức tăng 5,5 đã đề ra đầu năm.

• Về công nghiệp, vẫn có nhiều sản phẩm công nghiệp chủ

yếu có tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với bình quân chung của toàn ngành như ga hoá lỏng chỉ tăng 0,8%, xi măng tăng 8,8%, thép cán 5,6%.

- Trong đầu tư xây dựng cơ bản vẫn còn dãn trải, thất thoát nhiều tỷ đồng, song chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả.

- Việc định hướng đầu tư vào các ngành công nghiệp chủ lực cho sự phát triển nền kinh tế VN trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế vẫn chưa được xác định rõ để làm căn cứ cho việc đầu tư phát triển.

- Quá trình tham gia phân công lao động trong các lĩnh vực nền kinh tế của khu vực Đông Nam Á và quốc tế vẫn chưa rõ nét.

- Nhiều ngành sản xuất công nghiệp như may, thép, điện tử, lắp ráp may móc thiết bị vận tải còn lệ thuộc quá lớn vào nhập khẩu.

- Chưa xây dựng được một ngành công nghiệp phụ trợ cho các khu công nghiệp, nhất là cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dẫn đến phải nhập khẩu làm tăng chi phí sản xuất và không chủ động được trong SXKD.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn lệ thuộc quá nhiều vào điều kiện tự nhiên, vai trò của công nghệ sinh học, khoa học kỹ thuật chưa tác động hiệu quả, hệ quả sản xuất nông nghiệp bấp bênh.

- Nhà nước, ngành chưa đưa ra được các chính sách hữu hiệu về thị trường, giá cả, về thương hiệu để hạn chế rủi ro cho nông dân.

Nguyên nhân dẫn đến đạt kết quả trên:

- Việc chấp hành các qui định về quản lý đã có bước tiến bộ so với nhiều năm trước đây

- Vốn được bố trí tập trung hơn, nhất là cho các công trình trọng điểm để đưa vào sử dụng và phát huy tác dụng ngay trong năm. Tổng số công trình dự án hoàn thành trong năm 2004 khoảng 3.640 dự án, trong đó các bộ ngành trung ương khoảng 980 công trình dự án; các tỉnh thành phố khoảng 2.660 dự án.

- Giải ngân ODA cả năm ước đạt 1.650 triệu USD, đạt kế hoạch

năm. Trong đó vốn vay đạt khoảng 1.400 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 250 triệu USD đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2004.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài tính chung cả năm 2004 có 679 dự án được cấp giấy phép đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký đạt 2.084 triệu USD, giảm 12% về số dự án nhưng tăng 4,6% về vốn đăng ký kinh doanh so với năm 2003. Như vậy năm 2004, tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp mới và tăng thêm đạt khoảng 4.019 triệu USD, tăng 28,5% so với năm 2003, đã tạo ra nguồn lực mạnh đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng khá.

Tóm lại, tình hình kinh tế năm 2004 đã phát triển theo hướng tích cực, tốc độ tăng trưởng của các ngành đều khá và vượt kế hoạch đề ra; nhiều chỉ tiêu tăng cao đi vào thể ổn định.

2. Định hướng năm 2005

Năm 2005, nền kinh tế nước ta lại đứng trước những vận hội- thách thức mới do môi trường kinh tế quốc tế và trong nước mang lại, chúng ta phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tốc độ tăng trưởng 8,5%.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 16%.

- Tổng vốn đầu tư xã hội đạt mức 36,55.

- Chỉ số giá tiêu dùng tăng dưới 6,5%.

- Tạo việc làm mới cho 1,6 triệu người.

- Ngành điện tử xuất khẩu kim ngạch đạt 1,5 tỷ USD.

- Ngành da- giày kim ngạch xuất khẩu đạt 3,1 tỷ USD.

- Ngành thủy sản kim ngạch xuất khẩu đạt 2,6 tỷ USD.

- Ngành dệt may xuất khẩu đạt kim ngạch 4,3 tỷ USD.

Để thực hiện các mục tiêu trên, năm 2005 cần tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

- Cần tập trung chỉ đạo nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư và SXKD, nhất là tháo gỡ các khó khăn, giảm chi phí sản xuất hạ giá thành nhằm tạo điều kiện thật sự thuận lợi để đạt mục tiêu tăng

trưởng GDP 8,5% trong năm 2005.

- Bình ổn giá cả các sản phẩm hàng hoá chủ yếu cung cấp đầu vào cho SXKD như giá xăng dầu, điện, than, xi măng, thép. Ổn định giá các sản phẩm hàng hoá thiết yếu cho đời sống của dân cư như lương thực thực phẩm, thuốc chữa bệnh.

- Đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước để tạo lập quyền tự chủ tối đa cho doanh nghiệp, gần lợi ích kinh tế của người lao động với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hoá. Tăng cường vai trò của người lao động trong việc soạn thảo, thực thi chiến lược và kiểm tra, kiểm soát hiệu quả hoạt động SXKD.

- Tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh thông thoáng cho khu vực kinh tế dân doanh, để huy động tối đa nguồn lực cho đẩy nhanh phát triển kinh tế.

- Cần huy động tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, đầu tư dãn trải, nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường và môi trường kinh doanh theo chiều hướng ngày càng tích cực.

- Rà soát, loại bỏ những thủ tục hành chính không phù hợp, thực hiện qui chế một cửa tại cơ quan hành chính; thực hiện công khai, minh bạch, tôn trọng dân chủ cơ sở; tăng cường tính hiệu quả và tính minh bạch của cơ chế, chính sách nhà nước.

Tóm lại, kết quả đạt được về kinh tế năm 2004 là đáng kể, song nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2005 còn khó khăn hơn. Những giải pháp đưa ra mang lại sự thành công cần phải được tiếp tục thực hiện trong năm 2005, song cần phải có giải pháp đột phá hơn, mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn ■

BAN BIÊN TẬP

Nguồn số liệu: -Báo cáo của Văn phòng chính phủ 29.12.2004

- Bộ kế hoạch và đầu tư 29.12.2004